TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2017/DS-ST.
Ngày: 27 – 12 – 2017.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Kiên Nhẫn**.

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Lan** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Cùng trú tại: ấp Hậu, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào ngày 20 tháng 02 năm 2016 âm lịch bà Nguyễn Thị M làm đầu thảo tổ chức mở hụi, loại hụi tháng có lãi và huê hồng, gồm 18 phần với 15 hụi viên, số tiền góp 1.000.000 đồng/phần/tháng. Dây hụi khui lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2016 âm lịch mãn vào ngày 20 tháng 7 năm 2017 âm lịch tức ngày 10 tháng 9 năm 2017 dương lịch. Anh Trần Tuấn A (C) tham gia 01 phần. Đến kỳ khui hụi lần

thứ hai vào ngày 20 tháng 3 năm 2016 âm lịch anh Tuấn A kêu hụi số tiền 270.000 đồng, trừ huê hồng cho đầu thảo số tiền 400.000 đồng, thực nhận số tiền 12.250.000 đồng. Bà M giao đủ tiền hụi cho anh Tuấn A nhận ký tên vào sổ theo dõi hụi giao hụi viết tay. Từ ngày 20 tháng 4 năm 2016 âm lịch đến hụi mãn ngày 20 tháng 7 năm 2017 âm lịch anh Tuấn A phải thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết 15 kỳ tương đương số tiền 15.000.000 đồng. Thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết, anh Tuấn A góp được 10 kỳ tương đương số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng góp. Do đó, bà M dùng tiền số tiền 5.000.000 đồng của bà và chồng là ông Phạm Văn D để thanh toán cho các hụi viên khác. Sau khi mãn hụi, bà M đã nhiều lần đến nhà tìm gặp anh Tuấn A yêu cầu trả lại số tiền 5.000.000 đồng nợ góp hụi nhưng anh Tuấn A khất hẹn không trả. Nay, bà M khởi kiện yêu cầu anh Tuấn A có trách nhiệm trả lại cho bà và ông D số tiền 5.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh Trần Tuấn A và ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Tuấn A và ông D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày bà Nguyễn Thị M kèm theo bản pho tô sổ theo dõi hụi giao hụi viết tay ngày 20 tháng 02 năm 2016 âm lịch đã được đối chiếu bản gốc (BL: 05 – 06). Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005. Thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Tuấn Avà ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A, ông D theo thủ tục chung.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

[4]. Xét trong quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn A không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án chưa có cơ sở xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Tuấn A trong vụ kiện tại cấp sơ thẩm. Xét yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà M đòi anh Tuấn A trả lại số tiền nợ

góp hụi chết là có cơ sở phù hợp với sổ theo dõi hụi giao hụi viết tay ngày 20 tháng 02 năm 2016 âm lịch đã được đối chiếu bản gốc (BL: 05 – 06). Do đó, căn cứ theo quy định Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 29 và 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc anh Tuấn A trả lại bà M và ông D số tiền 5.000.000 đồng nợ tiền góp hụi chết.

[5]. Kể từ ngày người được thi hành án bà M và ông D có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án anh Tuấn A còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Buộc anh Tuấn A phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Hoàn trả cho bà Mai được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 29 và 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M:

1.1. Buộc anh Trần Tuấn Anh trả lại bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Văn D số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Văn D có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng thì người phải thi hành án anh Trần Tuấn A còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Trần Tuấn A phải nộp án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số No 0010321 ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Vắng mặt bị đơn anh Trần Tuấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D. Báo cho bà M có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Tuấn A và ông D vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Minh Tân